

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 299/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Ngô Thị Lắm.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Phạm Xuân Đào;

2. Bà Phan Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trần Long - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 644/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 934/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 2001; địa chỉ: số E, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Tấn L, sinh năm 1999; địa chỉ: số G, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1978; địa chỉ: số G, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày, bà N và ông L kết hôn với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã A. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh được 02 con chung tên Lê Tấn P, sinh ngày 05/6/2020 và Lê Thảo V, sinh ngày 26/11/2022. Hiện tại, các cháu đang được bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Tài sản chung, vợ chồng có cho bà Phạm Thị Thu T vay 20 chỉ vàng 24kra loại 9999, mục đích vay để bà T làm ăn nhưng chưa trả.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do sống chung không hòa thuận, thường hay cãi nhau. Nhận thấy tình cảm không còn nên bà N yêu cầu ly hôn với ông L; yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dạy con chung mỗi tháng mỗi cháu 2.000.000 đồng cho đến khi hai con chung thành niên; yêu cầu bà Phạm Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho bà N và ông L 20 chỉ vàng 24 kra loại 9999 để bà T và ông L chia tài sản chung, bà T yêu cầu được nhận 10 chỉ vàng 24 kra loại 9999; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về nợ chung.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, vào ngày 05/11/2024, bà N rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; bà N yêu cầu ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dạy hai con chung mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hai con chung có khả năng lao động nuôi sống bản thân; rút lại yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi dạy hai con chung đối với số tiền cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng/cháu.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Tờ tự khai của bà Nguyễn Thị Hồng N; bản sao giấy khai sinh số 101, ngày 19/4/2024 do Ủy ban nhân dân xã A đối với Lê Thảo V, bản sao giấy khai sinh số 226 ngày 14/7/2020 do Ủy ban nhân dân xã A đối với Lê Tấn P (bản sao); bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 143 ngày 28/10/2019 do Ủy ban nhân dân xã A đối với bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Lê Tấn L (bản sao).

- Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 05/11/2024, bị đơn ông Lê Tấn L cho rằng, ông L và bà N do tự tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Lê Tấn P, sinh ngày 05/6/2020 và Lê Thảo V, sinh ngày 26/11/2022. Hiện tại, các cháu đang được bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Tài sản chung, vợ chồng được cha mẹ cho 43 chỉ vàng (23 chỉ vàng 18kra và 20 chỉ vàng 24 kra. Hiện tài sản chung do bà N quản lý, ông L không biết việc bà N cho bà T mượn 20 chỉ vàng 24 kra và số vàng còn lại vợ chồng đã bán để lo chi phí sinh hoạt trong gia đình và điều trị bệnh cho bà N lúc mang thai.

Thời gian qua, bà N do ghen tuông nên ông L bỏ đi làm xa. Đối với việc bà N yêu cầu ly hôn thì ông L đồng ý; đồng ý để bà N được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, ông L cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000 đồng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động nuôi

sống bản thân; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp cho Tòa án gồm: Văn bản ý kiến ngày 05/11/2024 và đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thu T cho rằng, ông L và bà N do quen biết và kết hôn với nhau vào năm 2019. Trong ngày cưới, bà T có cho bà N và ông L 20 chỉ vàng 24kra và 23 chỉ vàng 18kra và gửi để nhà gái làm đám là 50.000.000 đồng. Sau khi kết hôn, bà T giao tiệm tạp hóa cho bà N và ông L bán kiếm thu nhập, ông L lấy dưa tươi về bán thêm. Riêng bà T cùng chồng chạy tàu thuê ít có ở nhà. Đối với việc bà N yêu cầu ly hôn với ông L thì bà N không có ý kiến. Việc bà N cho rằng bà T vay 20 chỉ vàng 24kra của bà T và ông L thì bà T xác định không có vay nên không đồng ý yêu cầu của bà N.

Tài liệu, chứng cứ bà T cung cấp cho Tòa án là bản tự khai ngày 05/11/2024 và đơn xin vắng mặt ngày 05/11/2024.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà N giữ nguyên trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Bị đơn ông L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt tham gia phiên tòa.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L, bà T là phù hợp với các Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình và các Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

- Chấp nhận một phần yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông L; bà N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung; ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dạy hai con chung chung tên Lê Tấn P, sinh ngày 05/6/2020 và Lê Thảo V, sinh ngày 26/11/2022 mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân; đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu bà Phạm Thị Thu T có nghĩa vụ trả lại cho bà N và ông L 20 chỉ vàng 24 kra để chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Tấn L, yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho bà N và ông L 20 chỉ vàng 24 kra để bà T chia tài sản chung. Đồng thời, ông L, bà T cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 15/10/2024, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới tiến hành thụ lý vụ án theo Thông báo thụ lý vụ án số 644/TB-TLVA về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn và hợp đồng dân sự vay tài sản”. Tuy nhiên, việc bà N yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả lại 20 chỉ vàng 24kra để vợ chồng chia tài sản khi ly hôn là tài sản chung của vợ chồng nên Tòa án xác định lại mối quan hệ là “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn”.

Ông Lê Tấn L, bà Phạm Thị Thu T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L, bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà N và ông L tự nguyện kết hôn vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông L là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà N cho rằng, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, ông L có mối quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con, không phụ giúp vợ chăm lo kinh tế trong gia đình. Vợ chồng không còn sống với nhau từ cuối năm 2023 cho đến nay, không tới lui thăm nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu ly hôn với ông L.

Ông L xác định nguyên nhân mâu thuẫn do bà N tính hay ghen tuông nên xảy ra cãi vã nhau, ông L bỏ đi làm ăn ở xa. Đối với yêu cầu ly hôn của bà N thì ông L đồng ý ly hôn.

Xét thấy, bà N yêu cầu ly hôn với ông L do ông L không quan tâm đến vợ con, không phụ giúp vợ chăm lo kinh tế trong gia đình và không còn sống chung từ cuối năm 2023 đến nay. Ông L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N nhưng ông L có đơn yêu cầu vắng mặt tham gia tố tụng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông L là phù hợp theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông L xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Lê Tấn P, sinh ngày 05/6/2020 và Lê Thảo V, sinh ngày 26/11/2022. Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung.

Xét thấy, các cháu P và cháu V hiện do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặc khác, ông L cũng đồng ý để bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu P và cháu V cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông L xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 20 chỉ vàng 24kra và 23 chỉ vàng 18 kra. Bà N xác định đã cho bà Nguyễn Thị Thùy T1 vay số vàng 20 chỉ vàng 24 kra và yêu cầu bà T1 có nghĩa vụ trả cho bà và ông L 20 chỉ vàng 24kra để chia tài sản chung, bà N yêu cầu nhận 10 chỉ vàng 24kra. Bà T1 xác định không có vay vàng của bà T1 và ông L nên không đồng ý trả, ông L xác định vàng do bà N quản lý, không biết việc bà N cho bà T1 vay. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N rút lại yêu cầu bà T1 trả 24 chỉ vàng 24 kra để chia tài sản chung. Xét thấy, việc bà N rút lại yêu cầu đối với T1 là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử đình chỉ là phù hợp với Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông L, bà T1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà N đối với ông L về việc yêu cầu ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng hai con chung mỗi cháu, mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu bà Phạm Thị Thu T có nghĩa vụ trả lại cho bà N và ông L 20 chỉ vàng 24 kra để chia tài sản chung.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với ông Lê Tấn L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 143, ngày 28/10/2019 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Lê Tấn L không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Hồng N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Tấn P, sinh ngày 05/6/2020 và Lê Thảo V, sinh ngày 26/11/2022.

Ông Lê Tấn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dạy hai con chung mỗi tháng, mỗi cháu 1.000.000 (một triệu) đồng kể từ ngày 29/11/2024 đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Bà Nguyễn Thị Hồng N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Tấn L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 2.300.000 (hai triệu ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023372, ngày 15 tháng 10 năm 2024 và số tiền tạm ứng án phí 2.000.000 (hai triệu) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023469, ngày 21 tháng 10 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp; bà Nguyễn Thị Hồng N được nhận lại số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

Ông Lê Tấn L, bà Phạm Thị Thu T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị Hồng N có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Lê Tấn L, bà Phạm Thị Thu T là 15 kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- UBND xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Lắm